

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 27/2024/HS-PT
Ngày: 17 - 4 - 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh; Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên— Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm— Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Phú Q** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2024/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Phú Q (N), sinh năm: 1986 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn Á** và bà **Nguyễn Thị L**; bị cáo có vợ nhưng không có đăng ký kết hôn, hiện không còn sống chung; bị cáo có 01 người con sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2690/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2021 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện C** xử phạt số tiền 16.500.000đồng về hành vi đánh bạc trái phép và không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế đông người (chưa nộp phạt); bị cáo tại ngoại, có mặt;

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Sử Văn N1** - Luật sư thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh B**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 16/7/2022, anh **Trần Tấn Đ** đến nhà anh **Võ Tấn K** (tên gọi khác là **C**) để uống bia cùng với anh **K** và một số người khác, sau đó **Nguyễn Phú Q** cũng đến tham gia. **Q** uống bia được một lúc thì say nên về nhà ngủ, khoảng 22 giờ

cùng ngày Q quay lại nhà anh K thì lúc này còn anh K, Đ và Q, một lúc sau anh K cũng vào nhà ngủ, chỉ còn lại Đ và Q tiếp tục uống bia phía trước hành lang nhà anh K. Đến khoảng 23 giờ trong lúc nói chuyện thì cả hai cãi nhau về việc ai uống nhiều, uống ít và rủ đánh nhau, cả hai đồng ý, Đ đứng dậy đi về hướng cổng nhà anh K, Q đi theo sau, trên đường đi Q nhìn thấy 01 con dao có chiều dài 35cm, cán bằng gỗ dài 15cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm, mũi dao bằng, nơi rộng nhất lưỡi dao dài 06cm, nơi hẹp nhất dài 03cm đang để trên buồng dừa ở mái hiên nhà tiền chế của anh K nên lấy cầm theo. Khi ra đến cổng thì Q cầm dao trên tay trái chém nhiều cái qua lại về hướng Đ, Đ dùng tay phải đỡ, hậu quả Đ bị thương ở tay phải và bụng. Sau khi gây thương tích cho Đ xong, Q về nhà và điện thoại cho anh ruột là Trần Thành M nhờ đến đưa Đ đi cấp cứu. Anh Đ được đưa đi bằng bó vết thương tại Trung tâm y tế huyện C, sau đó chuyển đến điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh V từ ngày 17/7/2022 đến ngày 20/7/2022 thì xuất viện. Ngày 17/7/2022 anh Đ đã tố giác hành vi của Q đến Công an xã P. Quá trình thụ lý xác minh, ngày 17/11/2022 anh Đ có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 18/CN ngày 31/8/2022 của Trung tâm y tế huyện C chứng nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của Trần Tấn Đ:

Bệnh nhân khai bị người khác dùng dao chém vào cẳng tay phải chưa điều trị vào viện. Hiện tại bệnh tình, tiếp xúc tốt, mạch: 86 lần/phút; huyết áp 120/70 mmHg, than đau vùng cẳng tay. Khám: Vùng mặt ngoài 1/3 dưới cẳng tay phải có vết thương dài khoảng 06cm, sâu khoảng 1.5cm, rộng khoảng 1.5cm bờ sắc gọn. Tim đều, phổi trong, bụng mềm, các cơ quan khác chưa ghi nhận bệnh lý.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 33/CN/KHTH/2022 ngày 16/02/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh V chứng nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của Trần Tấn Đ: Tỉnh, niêm hồng; Vết thương cẳng tay (P) mặt lưng kích thước #15cm, sâu, sắc gọn, đứt gân duỗi cổ tay quay (P). Gãy đầu dưới xương quay (P); Xảy sát da bụng (P); Tim đều, phổi trong; Bụng mềm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 267-922/TgT ngày 20/10/2022 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh B kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương mặt lưng cẳng tay phải, kích thước 08 x 0,2cm; Vết sạm da bụng phải, kích thước 1,5cm x 0,5cm; Gãy đầu dưới xương quay phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 09% (Chín phần trăm). Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

3. Kết luận khác: Vết thương ở cẳng tay phải do vật sắc nhọn gây ra; Xảy sát da ở vùng bụng phải do vật tày gây ra.

Tại Công văn số 234/CV-PY ngày 23/12/2022 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế phân tích tỷ lệ từng thương tích như sau: Sẹo vết thương mặt lưng cẳng tay phải, kích thước 08 x 0,2cm: 02% (hai phần trăm) Căn cứ Chương 8, Mục I.2; Vết sạm

da bụng phải, kích thước 1,5 x 0,5cm: 01% (một phần trăm) Căn cứ Chương 8, Mục V; Gãy đầu dưới xương quay phải: 06% (Sáu phần trăm) Căn cứ Chương 7, Mục IV.9.1.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 427/C09B ngày 13/01/2023 của Phân Viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo mặt sau 1/3 dưới cẳng tay phải, bờ mép gọn; Vết biến đổi sắc tố da vùng bụng phải, không rõ hình.

2. Cơ chế hình thành thương tích của ông **Trần Tấn Đ**: Thương tích vùng cẳng tay phải của ông **Trần Tấn Đ** có đặc điểm phù hợp cho vật sắc tác động gây ra, theo chiều từ trên xuống dưới, từ phải qua trái. Con dao gủi giám định gây ra được vết thương mặt lưng cẳng tay phải và gãy đầu dưới xương quay phải của **Trần Tấn Đ**; Thương tích vùng bụng phải của ông **Trần Tấn Đ** hiện để lại vết biến đổi sắc tố da, không rõ đặc điểm, tính chất bờ mép vết thương, không đủ cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích và vật gây thương tích.

Tại Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 63-23/KLTTCT-TTPYBT ngày 02/3/2023 của **Trung tâm pháp y tỉnh B** kết luận:

1. Các kết quả chính: Đứt gân duỗi cổ tay quay phải đã khâu nối phục hồi, hiện tại không hạn chế vận động khớp cổ tay phải.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần. Vết thương đứt gân duỗi cổ tay quay phải của **Trần Tấn Đ** hiện tại không còn thương tích để xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể; Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra theo kết luận giám định Pháp y về thương tích số 267-922TgT ngày 22/10/2022 của **Trung tâm pháp y tỉnh B** và tỷ lệ phần trăm vết thương đứt gân duỗi cổ tay quay phải của anh **Trần Tấn Đ** là: 09% (chín phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 77/23/TgT ngày 12/4/2023 của **Viện pháp y quốc gia -** tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo kích thước trung bình cẳng tay phải; Sây sát da bụng hiện không còn dấu vết; Không gãy đầu dưới xương quay phải.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng **Bộ Y** tế Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân **Trần Tấn Đ** là: Sẹo trung bình cẳng tay phải: 02% (hai phần trăm); Sây sát da bụng hiện không còn dấu vết: 00% (không phần trăm). Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân **Trần Tấn Đ** là: 02 (hai phần trăm). Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể được xác định tại thời điểm giám định. Ngày 20/10/2022 - không tiến hành giám định nên không có ý kiến về kết luận giám định lần đầu của **Trung**

tâm Pháp y tỉnh B.

Tại Biên bản giám định y khoa số 36/GĐYK-KNLD ngày 29/3/2023 của Hội đồng giám định y khoa – Sở y tế tỉnh B kết luận: Căn cứ Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27/9/2013 của Bộ Y tế, Bộ Lao động thương binh và xã hội, Hội đồng Giám định Y khoa kết luận: Ông Trần Tấn Đ được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể (tỷ lệ suy giảm khả năng lao động) là: 15%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Phú Q phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/02/2024, bị cáo Nguyễn Phú Q kháng cáo yêu cầu cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú Q 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Người bào chữa của bị cáo cho rằng bị cáo chỉ sử dụng dao quơ ngang qua lại nhưng do anh Đ đối đầu trực diện nên bị thương tích, vì vậy bị cáo không chủ động tấn công. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường một phần chi phí điều trị, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi dưỡng con còn nhỏ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin lỗi bị hại, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo chăm sóc, nuôi dưỡng con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **Nguyễn Phú Q** khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: Mặc dù không có mâu thuẫn gì lớn nhưng vào khoảng 23 giờ ngày 16/7/2022 tại **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre**, **Nguyễn Phú Q** đã dùng một con dao có chiều dài 35cm, cán bằng gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại dài 20cm có một bề bén là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhất trúng vào cánh tay phải và bụng của **Trần Tấn Đ** gây thương tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của **Trần Tấn Đ** là 09% và anh **Đ** có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự xử lý bị cáo.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo **Nguyễn Phú Q** phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo bổ sung tài liệu chứng cứ mới: Giấy khen của Giám đốc **Công an tỉnh B** có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân xấu đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2690/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2021 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện C** về hành vi đánh bạc trái phép và không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế đông người, chưa hết thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính bị cáo thực hiện hành vi phạm “Tội cố ý gây thương tích”, hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ. Đối chiếu với Điều 2, Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở cho bị cáo được hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xử phạt bị cáo 06 tháng tù là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phú Q** 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Nguyễn Phú Q** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách (3b);
- Công an và VKSND huyện Chợ Lách (2b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (1b);
- UBND xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn